

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: HÓA HỌC

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2		
								4,0		6,0	6,0	TB Môn	KQ1
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223180011	Trần Thị Thu	Dung	24/10/1986	01DS15B1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
2	1223240024	Nguyễn Thành	Giang	25/06/1995	01DS15B1	9,0	8,0	8,3		8,6		8,5	Đạt
3	1223240004	Nguyễn Thị	Hà	02/10/1994	01DS15B1	10,0	6,0	7,3		8,6		8,1	Đạt
4	1223180032	Nguyễn Thị	Hòa	07/07/1993	01DS15B1	10,0	10,0	10,0		8,4		9,0	Đạt
5	1223240050	Hà Thị	Hương	19/09/1995	01DS15B1	9,0	9,0	9,0		8,4		8,6	Đạt
6	1223360291	Võ Đức	Huy	16/11/2002	01DS15D1	10,0	8,0	8,7		8,4		8,5	Đạt
7	1223180034	Lâm Trần Duy	Kiệt	19/03/1993	01DS15B1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
8	1223240045	Phùng Văn	Lập	01/06/1991	01DS15B1	10,0	7,0	8,0		7,8		7,9	Đạt
9	1223180008	Hồ Thị Thùy	Linh	25/11/1988	01DS15B1	9,0	7,0	7,7		8,2		8,0	Đạt
10	1223240038	Đào Thị	Mai	20/12/1997	01DS15B1	10,0	6,0	7,3		8,4		8,0	Đạt
11	1223240010	Đoàn Thu	Ngân	15/07/2000	01DS15B1	10,0	6,0	7,3		8,4		8,0	Đạt
12	1223180018	Nguyễn Thu	Nguyên	26/09/1985	01DS15B1	8,0	8,0	8,0		8,4		8,2	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TBM MônKQ1	
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	1223180030	Bùi Lê Huỳnh	Như	29/08/1991	01DS15B1			0,0	TBKT			0,0	Học lại
14	1223180024	Nguyễn Thị Yến	Oanh	01/07/1986	01DS15B1	9,0	6,0	7,0		8,4		7,8	Đạt
15	1223240029	Huỳnh Thị	Thà	10/12/1994	01DS15B1	9,0	7,0	7,7		8,0		7,9	Đạt
16	1223240015	Lý Văn	Thanh	06/01/1968	01DS15B1	10,0	6,0	7,3		8,4		8,0	Đạt
17	1223360280	Phạm Thị	Thành	24/08/1984	01DS15D1	8,0	7,0	7,3		7,0		7,1	Đạt
18	1223180031	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	23/07/1988	01DS15B1	8,0	6,0	6,7		7,6		7,2	Đạt
19	1223180006	Trần Ngọc	Tiến	13/03/1988	01DS15B1	9,0	8,0	8,3		7,6		7,9	Đạt
20	1223240081	Lê Thị Tuyết	Trang	25/02/1991	01DS15B1	8,0	8,0	8,0		7,6		7,8	Đạt
21	3223240012	Lâm Hoài	Trung	28/05/1982	01DS15B1	8,0	5,0	6,0		7,0		6,6	Đạt
22	1223240044	Nguyễn Tấn	Trương	15/09/1995	01DS15B1	8,0	7,0	7,3		7,2		7,3	Đạt
23	1223240005	Nguyễn Thị Kim	Vân	04/01/2002	01DS15B1	9,0	9,0	9,0		7,6		8,2	Đạt
24	1223180020	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	29/03/1980	01DS15B1	9,0	7,0	7,7		7,4		7,5	Đạt
25	1223240051	Trần Ngọc	Yến	09/05/1996	01DS15B1			0,0	TBKT			0,0	Học lại